

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 11 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN III.2: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QLHCNN

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 8, TẠI ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Ban	01	70	7,0	Bảy	
2	Nguyễn Thị Bắc	02	74	7,5	Bảy rưỡi	
3	Đỗ Thị Bích	03	49	8,0	Tám	
4	Đỗ Thanh Bình	04	61	8,0	Tám	
5	Nguyễn Thị Anh Bình	05	31	7,5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Thị Chang	06	27	8,5	Tám rưỡi	
7	Trần Việt Cường	07	84	7,5	Bảy rưỡi	
8	Hoàng Thị Ngọc Diễm	08	48	8,0	Tám	
9	Dương Tuấn Dũng	09	45	7,0	Bảy	
10	Đinh Tiến Dương	10	33	7,0	Bảy	
11	Đồng Thị Thanh Duyên	11	56	7,5	Bảy rưỡi	
12	Nguyễn Văn Đại	12	01	8,0	Tám	
13	Vũ Thị Kim Đức	13	23	8,0	Tám	
14	Lê Ngọc Giang	14	69	7,0	Bảy	
15	Lê Thị Minh Giang	15	25	7,5	Bảy rưỡi	
16	Bùi Thu Hà	16	36	8,0	Tám	
17	Trần Thị Hà	17	85	8,0	Tám	
18	Hoàng Thị Hồng Hà	18	64	7,5	Bảy rưỡi	
19	Đặng Thị Thúy Hải	19	21	7,0	Bảy	
20	Nguyễn Thị Hải	20	02	7,5	Bảy rưỡi	
21	Đoàn Thị Hải	21	15	7,5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
22	Hoàng Thị Hằng	22	17	7,5	Bảy rưỡi	
23	Nguyễn Thị Thúy Hằng	23	08	8,0	Tám	
24	Trần Văn Hiền	24	67	7,5	Bảy rưỡi	
25	Nông Thị Thu Hiền	25	03	7,5	Bảy rưỡi	
26	Bùi Văn Hiếu	26	32	8,0	Tám	
27	Trần Thị Hoa	27	90	7,0	Bảy	
28	Hoàng Thị Hồng	28	63	7,0	Bảy	
29	Trần Đức Hùng	29	47	7,0	Bảy	
30	Phạm Thanh Hùng	30	86	7,5	Bảy rưỡi	
31	Phan Quốc Huy	31	78	7,5	Bảy rưỡi	
32	Hà Thị Thu Huyền	32	41	7,5	Bảy rưỡi	
33	Lê Thị Thu Huyền	33	26	8,0	Tám	
34	Nguyễn Đức Huỳnh	34	72	7,5	Bảy rưỡi	
35	Trần Thị Huyền	35	18	8,0	Tám	
36	Trần Đức Hưng	36	71	7,5	Bảy rưỡi	
37	Vũ Thị Thu Hương	37	79	8,0	Tám	
38	Vũ Thị Hương	38	46	7,5	Bảy rưỡi	
39	Trần Hưng Lân	39	77	7,0	Bảy	
40	Dương Thị Thùy Linh	40	14	8,0	Tám	
41	Trần Thị Linh	41	38	7,5	Bảy rưỡi	
42	Triệu Thị Thùy Linh	42	81	8,0	Tám	
43	Vũ Hồng Lụa	43	59	7,0	Bảy	
44	Mai Thị Luyện	44	30	8,0	Tám	
45	Đào Thị Phương Nga	45	28	7,5	Bảy rưỡi	
46	Chu Thị Nga	46	62	7,5	Bảy rưỡi	
47	Ngô Thị Nga	47	68	7,0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
48	Vũ Thanh Ngân	48	65	7,0	Bảy	
49	Ngô Thị Ngân	49	20	7,5	Bảy rưỡi	
50	Trần Thị Nguyên	50	39	8,0	Tám	
51	Dương Thị Bích Nguyệt	51	04	8,0	Tám	
52	Đặng Thị Nguyệt	52	10	7,5	Bảy rưỡi	
53	Đặng Thị Ánh Nguyệt	53	11	8,0	Tám	
54	Dương Thị Hồng Nhung	54	16	8,0	Tám	
55	Dương Thị Nhung	55	54	7,0	Bảy	
56	Phạm Thị Hồng Nhung	56	12	7,5	Bảy rưỡi	
57	Trần Thị Tuyết Nhung	57	43	7,5	Bảy rưỡi	
58	Dương Tuấn Phong	58	75	7,0	Bảy	
59	Đặng Thị Lan Phương	59	89	7,0	Bảy	
60	Nguyễn Tiến Quân	60	42	6,5	Sáu rưỡi	
61	Vương Hồng Quân	61	44	7,5	Bảy rưỡi	
62	Vũ Quang	62	88	8,0	Tám	
63	Dương Công Quang	63	73	7,0	Bảy	
64	Lê Thanh Sơn	64	51	7,0	Bảy	
65	Trần Văn Sỹ	65	09	7,5	Bảy rưỡi	
66	Nguyễn Thị Thanh Tâm	66	82	7,5	Bảy rưỡi	
67	Dương Ngọc Tất	67	52	7,5	Bảy rưỡi	
68	Trần Thị Thảo	68	13	7,5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thị Thảo	69	05	7,5	Bảy rưỡi	
70	Nguyễn Thị Bích Thảo	70	19	8,5	Tám rưỡi	
71	Lê Hữu Thất	71	40	7,0	Bảy	
72	Lê Thị Hồng Thơm	72	35	7,5	Bảy rưỡi	
73	Nguyễn Thị Hà Thu	73	22	7,5	Bảy rưỡi	
74	Trần Thị Lệ Thủy	74	06	8,0	Tám	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
75	Hoàng Thị Thanh Thùy	75	83	8,0	Tám	
76	Bùi Phương Thùy	76	07	7,5	Bảy rưỡi	
77	Lương Thị Tiệp	77	29	7,0	Bảy	
78	Dương Thị Thu Tình	78	24	8,5	Tám rưỡi	
79	Quản Thị Huyền Trang	79	34	7,5	Bảy rưỡi	
80	Phạm Thị Thu Trang	80	53	8,0	Tám	
81	Phạm Xuân Trường	81	50	7,5	Bảy rưỡi	
82	Hoàng Anh Tuấn	82	55	7,5	Bảy rưỡi	
83	Mạnh Quân Tuấn	83	76	7,0	Bảy	
84	Hoàng Thị Út	84	66	7,5	Bảy rưỡi	
85	Nguyễn Thị Mai Uyên	85	60	7,5	Bảy rưỡi	
86	Đặng Thị Thu Vân	86	57	8,0	Tám	
87	Trịnh Thị Vui	87	58	7,5	Bảy rưỡi	
88	Trịnh Thị Thu Xuyên	88	87	7,5	Bảy rưỡi	
89	Vũ Thị Yên	89	37	7,5	Bảy rưỡi	
90	Lê Thị Hải Yến	90	80	7,0	Bảy	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA NN&PL
TRƯỞNG KHOA**



Lê Minh Hương

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




Phạm Minh Chuyên